

Số: /HD-STC

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

HƯỚNG DẪN

Xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Sở Tài chính hướng dẫn Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các sở, ban, ngành, đoàn thể khác thuộc Thành phố (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành Thành phố) và UBND các xã, phường một số nội dung cơ bản về xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 VÀ CẢ GIAI ĐOẠN 2021-2025

Căn cứ các chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và Thành phố về bổ sung Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 với mục tiêu tăng trưởng đạt 8% trở lên; về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; các Nghị quyết của HĐND Thành phố về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025, kế hoạch tài chính 05 năm 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 08/12/2022 của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách, định mức phân bổ ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023-2025 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023, Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 27/6/2025 của HĐND Thành phố), Quyết định số 6399/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND Thành phố về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của thành phố Hà Nội, Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 25/02/2025 của UBND Thành phố về việc giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn

vị khi thực hiện sắp xếp, tổ chức bộ máy theo quy định của pháp luật; Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND Thành phố về giao, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp thành phố Hà Nội năm 2025 khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; các Quyết định của UBND Thành phố về giao dự toán NSNN thực hiện các chương trình, nhiệm vụ bổ sung trong năm; các chỉ đạo của UBND Thành phố và hướng dẫn của Sở Tài chính về quản lý, điều hành tài chính ngân sách, xử lý tài chính, NSNN khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 8219/STC-QLNS ngày 26/12/2024 của Sở Tài chính Hà Nội hướng dẫn một số điểm về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2025; đề nghị các sở, ban, ngành Thành phố và UBND các xã, phường thực hiện một số nội dung như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2025

1.1. Yêu cầu đánh giá

- Đánh giá việc thực hiện dự toán được giao hoặc dự toán xác định lại sau điều chỉnh, sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Thực hiện đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, các quy định của pháp luật về thu NSNN và các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN của cấp có thẩm quyền; đánh giá đầy đủ từng khoản thu thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác của NSNN; không tổng hợp vào cân đối NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện.

- Rà soát, đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến thu NSNN 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2025; trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN được giao, phấn đấu thực hiện tăng thu theo đúng Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thành phố.

1.2. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá, phân tích các tác động, nguyên nhân khách quan, chủ quan đến tăng, giảm từng chỉ tiêu thu NSNN năm 2025; cụ thể như sau:

- Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tác động của thiên tai, dịch bệnh, biến động giá dầu thô, nguyên nhiên vật liệu đầu vào, biến động trên thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản; tác động từ việc thay đổi trong chính sách, phạm vi, đối tượng hưởng ưu đãi thuế.

- Các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật, việc phản ứng chính sách thuế đối ứng của chính quyền Hoa Kỳ; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế theo các cam kết hội nhập.

b) Công tác đôn đốc, thu hồi và xử lý nợ thuế trong 6 tháng đầu năm 2025; dự kiến các tháng cuối năm 2025 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp.

c) Tình hình hoàn thuế giá trị gia tăng (trừ hoàn thuế giá trị gia tăng nộp thừa) trong năm 2025 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh; báo cáo cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn kinh phí hoàn thuế (nếu có) để chi hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nộp thuế đầy đủ, kịp thời, chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật; công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý thu hồi kịp thời tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định; các kiến nghị (nếu có).

d) Tình hình hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt mà người nộp thuế đã nộp thừa theo quy định (chỉ tiêu số hồ sơ đã xử lý/ra quyết định hoàn trả, số tiền hoàn trả), vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, công nghệ quản lý, tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện (nếu có).

đ) Tình hình thu ngân sách từ đất đai (trong đó có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn so với dự toán được giao.

g) Tình hình thu NSNN từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan); nhất là xử lý các tài sản công dôi dư sau quá trình sắp xếp bộ máy.

h) Tình hình thực hiện thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định này; cụ thể số tiền đã nộp ngân sách, số tiền đã phát sinh nhưng đến nay chưa nộp ngân sách (nếu có), kiến nghị giải pháp đối với nguồn thu này (nếu có).

i) Kết quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị của Thành phố và với các Bộ, cơ quan trung ương trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu NSNN, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu, chống chuyển giá; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

k) Tình hình thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu, thu tiền đấu giá biển số xe và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2025 theo quy định.

l) Các cơ quan hành chính nhà nước đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí, báo cáo những nội dung sau:

- Về số thu phí được để lại: Đánh giá số thu được để lại 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2025;

- Về chi từ nguồn phí được để lại:

+ Báo cáo khung pháp lý quy định các nhiệm vụ chi này từ nguồn phí được để lại (về khoản phí, tỷ lệ để lại, nhiệm vụ chi từ nguồn phí được để lại; chế độ, tiêu chuẩn định mức chi tiêu, kể cả quy chế chi tiêu nội bộ - nếu có);

+ Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi từ nguồn phí được để lại 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm (phân loại chi tiết từng nhiệm vụ chi theo khung pháp lý nêu trên), trong đó cụ thể các nhiệm vụ chi thực hiện trong một năm; các nhiệm vụ chi thực hiện trong nhiều năm (báo cáo tổng mức được phê duyệt, số đã bố trí, số còn phải bố trí tiếp). Dự kiến nguồn còn lại khi kết thúc năm ngân sách 2025.

m) Tình hình thu viện trợ 6 tháng đầu năm và dự kiến cả năm 2025.

n) Tình hình thực hiện thu chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị (nếu có).

o) Công ty Xổ số kiến thiết Thủ đô đánh giá, phân tích tình hình thu từ nguồn xổ số kiến thiết, phân chia doanh thu xổ số (nộp thuế, trả thưởng cho khách hàng, chi phí cho đại lý bán vé, chi phí in vé, quản lý doanh nghiệp và trích lập các quỹ); tỷ lệ vé hủy không bán được.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN cả giai đoạn 2021-2025

Trên cơ sở quyết toán các năm giai đoạn 2021-2024 và ước thực hiện cả năm 2025, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN giai đoạn 2021 - 2025 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp, chi tiết từng nguồn thu từ thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế, thu nội địa còn lại (ngoài tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế); thu từ hoạt động xuất nhập khẩu; thu viện trợ (nếu có); làm rõ kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân khách quan, chủ quan; bài học kinh nghiệm; bối cảnh và kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách quản lý thu NSNN trong thời gian tới.

3. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển (ĐTPT) năm 2025

3.1. Báo cáo dự toán đã được cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu có) hoặc dự toán xác định lại theo phương án sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tình hình phân bổ, giao dự toán và việc cắt giảm chi sau sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; khó khăn, kiến nghị (nếu có).

3.2. Đánh giá thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2025 (không bao gồm nhiệm vụ tín dụng, chương trình mục tiêu quốc gia); trong đó báo cáo cụ thể các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục – đào tạo và dạy nghề; xây dựng pháp luật; y tế, dân số và gia đình:

- Chi ĐTPT các chương trình, dự án:

+ Tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2025 (nếu có), chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực chi (trong đó tổng hợp đầy đủ kinh phí bố trí cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cho giáo dục đào tạo, dạy nghề; cho công tác xây dựng pháp luật; cho y tế,

dân số và gia đình – nếu có), theo các chỉ tiêu: thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 thuộc nguồn NSNN theo quy định tại Khoản 6 Điều 103 Luật Đầu tư công (đặc biệt là các dự án còn dở dang chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành, các dự án còn số dư tạm ứng các năm trước phải theo dõi để tiếp tục thu hồi, các dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn để thanh toán nếu có); khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

+ Tình hình thực hiện dự toán chi ĐTPT chương trình, dự án nguồn NSNN năm 2025 (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2025 theo quy định); đánh giá, phân tích làm rõ nguyên nhân chậm giải ngân (nếu có), chi tiết theo từng lĩnh vực chi, gồm:

Các chương trình, dự án đầu tư công (cụ thể từng dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, kết cấu hạ tầng giao thông quốc gia, dự án kết nối tác động liên vùng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững): Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2025, dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2026; chi tiết theo từng nguồn vốn (trong đó: đối với chi ĐTPT của NSDP có phụ biểu chi tiết theo từng nhóm dự án thuộc ngành, lĩnh vực; vốn NSTW hỗ trợ có mục tiêu từ vốn nước ngoài, vốn trong nước); có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn bố trí và thanh toán lũy kế đến hết năm 2024, kế hoạch vốn các năm trước chuyển sang năm 2025, kế hoạch vốn năm 2025 - kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2025 (kèm theo thuyết minh nguyên nhân).

Đánh giá tình hình, thực hiện, giải ngân vốn kế hoạch năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thực hiện, giải ngân sang năm 2025, đặc biệt là các dự án chuyển tiếp phải bố trí đủ vốn để hoàn thành trong năm 2025 và các dự án chuyển tiếp giai đoạn sau theo tiến độ được phê duyệt theo từng dự án cụ thể (chi tiết tổng mức đầu tư, nguồn vốn, kế hoạch vốn bao gồm kế hoạch vốn các năm đã bố trí và kế hoạch vốn các năm trước được cho phép kéo dài sang năm 2025, lũy kế vốn giải ngân từ khởi công, lũy kế vốn thanh toán thuộc kế hoạch vốn các năm trước kéo dài sang năm 2025 đến thời điểm báo cáo, tiến độ thực hiện, khó khăn,...).

Đánh giá thực hiện đối với các nhiệm vụ chi đầu tư được giao từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi các năm 2021-2024 được quyết định thực hiện trong năm 2025 và nguồn dự phòng ngân sách các cấp năm 2025 (nếu có).

Đánh giá tình hình thu hồi vốn ứng trước (kế hoạch vốn đã bố trí để thu hồi ứng năm 2025; số vốn ứng còn lại phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo từng nguồn vốn (NSTW, NSDP), căn cứ xác định trách nhiệm bố trí vốn thuộc Trung ương hay địa phương, khả năng bố trí đủ vốn để thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước theo quy định trong năm 2025.

Đánh giá tình hình chi ĐTPT theo phương thức đối tác công tư, thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

- Tác động đến NSNN của việc chuyển đổi các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư sang phương thức đầu tư công (nếu có), việc bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2025 (nếu có).

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành; số vốn đầu tư công đã thanh toán vượt giá trị quyết toán được phê duyệt nhưng chưa thu hồi nộp NSNN; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2025, dự kiến đến hết năm 2025; nguyên nhân.

3.3. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ tín dụng nhà nước năm 2025:

Tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước và tín dụng chính sách 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2025 (bổ sung vốn cho các quỹ, ủy thác vốn qua Ngân hàng chính sách xã hội,...); việc cải cách hành chính trong thủ tục xét duyệt cho vay. Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh thành phố Hà Nội báo cáo về tình hình thực hiện chính sách cho vay trên địa bàn Thành phố (nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội).

3.4. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao và thực hiện dự toán trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2025 đối với các nhiệm vụ chi ĐTPT của NSNN năm 2025 ngoài phạm vi Luật đầu tư công (Chỉ cho Quỹ hỗ trợ đầu tư tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ, chi đầu tư theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, các nhiệm vụ theo các quyết định của cấp có thẩm quyền); tồn tại, khó khăn, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có).

3.5. Đánh giá tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 và ước thực hiện năm 2025 về tổng nguồn lực huy động và cơ cấu nguồn lực xã hội hóa đầu tư theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân, kiến nghị (nếu có).

4. Đánh giá tình hình thực hiện chi ĐTPT cả giai đoạn 2021-2025

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2025, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả triển khai các năm 2021- 2025 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; trong đó, cần làm rõ:

4.1. Đối với nhiệm vụ chi ĐTPT hằng năm thuộc phạm vi Luật Đầu tư công

a) Lũy kế dự toán chi đầu tư công được giao và tình hình phân bổ, thực hiện, giải ngân các năm 2021-2025 (bao gồm cả số giải ngân của kế hoạch được kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm sau) so với kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp thẩm quyền giao giai đoạn 2021-2025, chi tiết nguồn cân đối NSDP, nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu theo ngành, lĩnh vực, cụ thể nguồn vốn nước ngoài (bao gồm cả nguồn vốn vay và vốn viện trợ không hoàn lại), vốn trong nước - nếu có; vốn bố trí cho các dự án quan trọng, dự án trọng điểm, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; vốn được giao từ nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi, dự phòng ngân sách các cấp các năm 2021-2025 (nếu có). Làm rõ mức vốn đầu tư công bố trí từ NSDP các năm 2021-2025 so với kế hoạch 2021-2025 được cấp có thẩm quyền

giao, nhu cầu đề xuất bổ sung kế hoạch trung hạn – nếu có. Số vốn đầu tư đã được bố trí, số vốn đầu tư đã giải ngân, số vốn được phép kéo dài, số vốn cần được bố trí tiếp để hoàn thành kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn.

b) Số dự án có nợ xây dựng cơ bản đã tổng hợp, bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn các năm 2021 - 2025 để xử lý nợ xây dựng cơ bản, dự kiến bố trí số còn lại trong năm 2025.

c) Lũy kế số vốn ứng trước được bố trí để thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn các năm 2021-2025 để thu hồi vốn ứng, dự kiến bố trí số còn lại để thu hồi trong năm 2025. Số vốn ứng trước phát sinh đến nay chưa được bố trí để thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (chi tiết NSTW, ngân sách các cấp của Thành phố).

d) Đánh giá tình hình xử lý các khoản tạm ứng theo hợp đồng quá thời hạn thu hồi tính đến hết tháng 6 năm 2025 (đặc biệt là các khoản tạm ứng quá hạn kéo dài nhiều năm) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và của UBND Thành phố về việc chấn chỉnh, tăng cường quản lý tạm ứng vốn đầu tư công nguồn NSNN.

4.2. Đối với nhiệm vụ tín dụng hằng năm

Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tín dụng đầu tư ưu đãi của Nhà nước và tín dụng chính sách các năm 2021-2025 (bổ sung vốn cho các quỹ, ủy thác vốn qua Ngân hàng chính sách xã hội,...); kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và giải pháp khắc phục. Ngân hàng chính sách xã hội - Chi nhánh thành phố Hà Nội báo cáo về tình hình thực hiện chính sách cho vay giải quyết việc làm trên địa bàn Thành phố (nguồn vốn ngân sách Thành phố ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội).

4.3. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT của NSNN ngoài phạm vi Luật đầu tư công

Đánh giá tình hình triển khai và thực hiện trong các năm 2021-2025, trong đó làm rõ số kinh phí theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền; số kinh phí đã được bố trí; số kinh phí đã thực hiện; số còn phải bố trí trong năm 2025.

4.4. Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách xã hội hóa các năm 2021-2025 so với kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao (chi tiết tổng nguồn lực, cơ cấu nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực; số lượng các cơ sở được đầu tư từ nguồn lực xã hội hóa theo ngành, lĩnh vực).

4.5. Báo cáo cụ thể các kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị (nếu có) đối với từng mục 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 nêu trên. Trong đó, làm rõ các bất cập về thể chế, về tổ chức thực hiện đầu tư công:

- Các giải pháp đã triển khai để thúc đẩy thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn theo các Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện và văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Đánh giá, làm rõ những khó khăn, vướng mắc, những tồn tại, hạn chế ảnh hưởng tới việc phân bổ và giải ngân, tập trung vào những nhóm vấn đề lớn như: cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện, những vướng mắc đặc thù (nếu có).

- Những kiến nghị về pháp lý và về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT.

5. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2025 và cả giai đoạn 2021-2025

5.1. Đối với nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2025

a) Báo cáo dự toán đã được cấp có thẩm quyền điều chỉnh (nếu có) hoặc dự toán xác định lại theo phương án sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; tình hình phân bổ, giao dự toán và việc cắt giảm chi (tiền lương, chi bộ máy...) sau sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, khó khăn, kiến nghị (nếu có).

b) Tình hình phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2025 theo từng lĩnh vực chi được giao. Trong đó báo cáo cụ thể chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục – đào tạo và dạy nghề; chi phục vụ xây dựng pháp luật; chi y tế, dân số và gia đình; nhiệm vụ chi được bố trí từ 02 nguồn thường xuyên và đầu tư theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật khác có liên quan.

c) Tình hình thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội; chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội; chính sách hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026 theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND 09/7/2025 của HĐND Thành phố.

d) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, đề án, dự án lớn sử dụng nguồn chi thường xuyên của NSNN trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2025; khó khăn, vướng mắc và đề xuất, cụ thể:

- Rà soát, xác định các nhiệm vụ, chính sách chế độ kết thúc hoặc hết hiệu lực; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế các chế độ, chính sách không phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành.

- Tình hình tinh giản biên chế, chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị: Trong 6 tháng đầu năm và ước cả năm 2025. Trong đó, chi tiết số đối tượng đã nghỉ đến ngày 30/6/2025, dự kiến nghỉ 6 tháng cuối năm, nhu cầu kinh phí và số kinh phí đã chi trả chính sách quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP.

(Biểu báo cáo chi tiết theo mẫu biểu đính kèm)

- Tình hình bố trí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

- Đánh giá kinh phí cắt giảm, tiết kiệm do thực hiện sắp xếp bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết việc thực hiện

Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, gồm giảm chi thường xuyên (chi tiết số giảm quỹ lương, giảm chi hoạt động bộ máy); giảm chi ĐTPT (chi nâng cấp, cải tạo, xây mới trụ sở,...), báo cáo cụ thể đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

(Biểu báo cáo chi tiết theo mẫu biểu đính kèm)

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2025 theo các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư số 56/2022/TT-BTC).

- Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2025, Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2025.

5.2. Đối với nhiệm vụ chi thường xuyên cả giai đoạn 2021-2025

a) Trên cơ sở quyết toán các năm giai đoạn 2021-2024 và ước thực hiện cả năm 2025, đánh giá lũy kế tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN các năm 2021-2025 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp (nếu có); tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể theo phê duyệt thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 hoặc trong nhiều năm – nếu có; các nhiệm vụ chủ yếu của ngành, lĩnh vực, địa phương; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

b) Đánh giá lũy kế việc triển khai tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy; kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong các năm 2021 - 2025 so với các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Thành ủy, UBND Thành phố và các văn bản pháp luật có liên quan; những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị.

c) Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu tự chủ và giảm chi từ NSNN sau khi giao tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập từ khi thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập đến nay; những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và kiến nghị.

d) Đánh giá việc thực hiện xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở đặt hàng, đấu thầu liên quan đến dịch vụ công thuộc phạm vi Thành phố quản lý và các khó khăn vướng mắc, nguyên nhân, kiến nghị.

6. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác năm 2025 và cả giai đoạn 2021-2025

6.1. Đối với 03 chương trình mục tiêu quốc gia

Căn cứ các quy định hiện hành và các văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng; các cơ quan, đơn vị dự toán NSNN, đơn vị sử dụng NSNN đánh giá tình hình phân bổ, sử dụng dự toán NSNN năm 2025 (chi tiết dự toán các năm trước chuyển sang năm 2025 theo quy định để thực hiện và dự toán năm 2025 được giao – nếu có), khả năng sử dụng và giải ngân phần dự toán chưa giao năm 2025 của các chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị quyết của HĐND Thành phố và các Quyết định của UBND Thành phố; thuận lợi, khó khăn, kiến nghị (nếu có). Trong đó:

a) Cơ quan được giao chủ chương trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần báo cáo đánh giá việc phân bổ, sử dụng NSNN, chi tiết theo các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, chi ĐTP, chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có) và việc chấp hành quy định về cân đối, bố trí vốn đối ứng của địa phương.

b) Cơ quan được giao chủ quản chương trình đánh giá tình hình sửa đổi, bổ sung/trình sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách có liên quan theo phân cấp (nếu có); phân bổ, sử dụng NSNN (trong đó, báo cáo về dự toán được hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW, ngân sách cấp Thành phố, đối ứng của địa phương theo quy định), chi tiết theo các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, chi ĐTP, chi thường xuyên, nguồn vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có).

c) Cơ quan, đơn vị đánh giá về tình hình giao dự toán, phân bổ, sử dụng NSNN, chi tiết theo các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, chi ĐTP, chi thường xuyên, vốn trong nước, vốn nước ngoài (nếu có) năm 2025, lũy kế năm 2021-2025; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

d) Báo cáo chi tiết việc phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57/NQ-TW, chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề, chi y tế, dân số và gia đình.

6.2. Đối với các chương trình, đề án, nhiệm vụ được cấp thẩm quyền phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030, đánh giá việc hoàn thiện thể chế (nếu có), việc phân bổ, thực hiện dự toán giao năm 2025. Trường hợp có sử dụng nguồn vốn nước ngoài, báo cáo riêng tình hình phân bổ, giải ngân đối với từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, các đề xuất kiến nghị (nếu có). Đánh giá lũy kế kinh phí được giao, tình hình phân bổ và sử dụng NSNN đến hết năm 2025 so với tổng mức được phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp (nếu có).

7. Đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn nước ngoài

- Các sở, ban, ngành Thành phố và UBND các xã, phường đánh giá tình hình phân bổ, giao dự toán năm 2025, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2025 (nếu có) chi

tiết theo dự án, nhà tài trợ, nguồn vốn: vốn vay (vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài), vốn viện trợ (vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đối với vốn viện trợ không hoàn lại, đánh giá việc tiếp nhận các khoản viện trợ mới phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ bổ sung dự toán; khó khăn, vướng mắc khi giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp.

- Đánh giá tình hình thực hiện, kết quả giải ngân vốn nước ngoài, so sánh với dự toán được giao; vướng mắc về thủ tục giải ngân vốn ODA (nếu có); làm rõ nguyên nhân giải ngân chậm, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị với vai trò là cơ quan chủ quản đầu tư, trách nhiệm của Ban Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị có liên quan; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

- Trên cơ sở ước thực hiện năm 2025, đánh giá việc thực hiện cả giai đoạn 2021-2025 so với mục tiêu, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao/hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo Hiệp định hoặc thỏa thuận đã ký kết (nếu có); những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

8. Đánh giá thực hiện tạo nguồn, sử dụng nguồn cải cách tiền lương năm 2025

Các sở, ban, ngành Thành phố và UBND các xã, phường đánh giá việc thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2025 theo quy định và việc sử dụng để thực hiện chính sách tiền lương, chế độ, chính sách tại Nghị định 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và các nhiệm vụ được phép chi từ nguồn cải cách tiền lương theo các văn bản của cấp có thẩm quyền. Báo cáo tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 sau sắp xếp:

a) Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp ước thực hiện trong năm 2025.

b) Nhu cầu kinh phí để thực hiện tiền lương năm 2025.

c) Việc sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện điều chỉnh mức lương, gồm: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền giao; 70% tăng thu NSDP thực hiện năm 2024 so với dự toán năm 2024 được cấp trên giao và 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2023 được cấp trên giao (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý và các khoản được loại trừ theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2022; số thu được để lại theo chế độ năm 2025; nguồn cải cách tiền lương năm 2024 còn dư chuyển sang (nếu có), dự kiến nguồn cải cách tiền lương còn dư đến hết năm 2025.

d) Việc sử dụng các nguồn lực theo quy định để chi trả chế độ theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số

67/2025/NĐ-CP, Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và số đề xuất Trung ương hỗ trợ theo quy định.

đ) Việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương để bố trí quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; thực hiện chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Thủ đô; thực hiện một số chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội do Trung ương và Thành phố ban hành theo quy định của Luật Thủ đô và Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13/11/2024 của Quốc hội và các nhiệm vụ khác theo quy định.

(Biểu báo cáo chi tiết theo mẫu biểu đính kèm)

9. Đánh giá tình hình hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố và các cơ quan được giao quản lý các quỹ: Khuyến nông; Ưu đãi, khuyến khích và đào tạo tài năng Thành phố; Hỗ trợ nông dân; Hỗ trợ phát triển hợp tác xã; Thi đua khen thưởng; Bảo vệ và phát triển rừng; Phòng, chống thiên tai; Phòng, chống tội phạm tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ được giao 6 tháng và dự kiến cả năm 2025 gắn với hiệu quả hoạt động; lũy kế việc thực hiện đến hết năm 2025 so với mục tiêu kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 (nếu có); các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

10. Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN

- Cơ quan, đơn vị báo cáo các khoản thu của đơn vị sự nghiệp công lập (ngoài nguồn NSNN) đánh giá các khoản thu phí được để lại năm 2025 theo quy định của pháp luật đối với các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ bố trí từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được để lại không đưa vào cân đối NSNN trong năm 2025, chi tiết nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định (chi tiết nguồn phí và nguồn thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị), nhiệm vụ chi thường xuyên, theo từng lĩnh vực chi; trong đó cụ thể đối với các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục – đào tạo và dạy nghề; chi phục vụ xây dựng pháp luật (nếu có).

- Dự kiến nguồn thu hợp pháp còn lại cuối năm 2025.

11. Đánh giá thực hiện một số nội dung quan trọng khác

Ngoài các yêu cầu chung nêu trên, các sở, ban, ngành Thành phố và UBND các xã, phường cần đánh giá bổ sung một số nội dung sau:

a) Công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

b) Khả năng thực hiện dự toán chi ĐTPT năm 2025 theo từng lĩnh vực chi, trong đó báo cáo rõ số phân bổ cho các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục – đào tạo và dạy nghề; xây dựng pháp luật; chi y tế

dân số và gia đình (bao gồm cả việc điều chỉnh, bổ sung trong năm theo quy định), chi tiết: nguồn NSDP (chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP); nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới từ nguồn vốn trong nước, nguồn vốn nước ngoài (gồm vốn vay và viện trợ không hoàn lại); trong đó tập trung đánh giá các nội dung:

- Đối với nhiệm vụ chi ĐTPT hằng năm thuộc phạm vi Luật Đầu tư công:
 - + Tình hình phân bổ, giao, bổ sung dự toán (nếu có); tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng năm 2025; dự kiến số còn lại đến hết năm 2025 (nếu có); kiến nghị xử lý.
 - + Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công nguồn NSDP 6 tháng đầu năm và đánh giá cả năm 2025.
 - + Tình hình giao, tổ chức thực hiện và giải ngân vốn ĐTPT nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho địa phương 6 tháng đầu năm, đánh giá cả năm 2025.
 - + Bội chi NSDP năm 2025 và tình hình đầu tư từ nguồn này (nếu có).
 - + Số tăng thu, dự toán chi còn lại của NSDP (nếu có).
 - + Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư các dự án kết nối vùng, kết nối quốc gia, các công trình trọng điểm quốc gia thực hiện tại địa phương (nếu có).
 - + Tình hình phê duyệt, bố trí kinh phí, tổ chức thực hiện và giải ngân vốn đầu tư từ các nguồn thu được để lại theo chế độ: nguồn thu phí, thu sự nghiệp công được để lại và nguồn thu hợp pháp khác, chi tiết từng lĩnh vực chi.
 - + Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các dự án, công trình của địa phương.
 - + Tình hình thu, chi, quản lý và sử dụng số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết cho ĐTPT của địa phương.
 - Tình hình phân bổ, giao dự toán, giải ngân dự toán chi ĐTPT năm 2025 ngoài phạm vi Luật Đầu tư công (nếu có)
 - Tình hình chấp hành các quy định về đầu tư công, các Chỉ thị, Công điện của Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực này;
 - Kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân và các kiến nghị (nếu có).
- c) Báo cáo việc bố trí dự toán chi thường xuyên năm 2025 của địa phương cho các lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục – đào tạo và dạy nghề; xây dựng pháp luật; y tế dân số và gia đình.
- d) Các sở, ban, ngành Thành phố và UBND các xã, phường báo cáo tình hình thực hiện: các chính sách an sinh xã hội do Trung ương và Thành phố ban hành trên địa bàn năm 2025, chi tiết số đối tượng thụ hưởng (căn cứ đối tượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2025 để rà soát, xác định số đối tượng ước thực hiện cả năm 2025), mức hỗ trợ, thời gian hưởng để xác định cụ thể nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ; nhu cầu kinh phí ngân sách cấp trên bổ sung cho địa phương; nhu cầu sử dụng

từ nguồn cải cách tiền lương còn dư của địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội thay cho phần ngân sách cấp trên hỗ trợ (nếu có), số kinh phí ngân sách cấp trên còn phải hỗ trợ.

(Biểu báo cáo chi tiết theo mẫu biểu đính kèm)

đ) Các xã, phường báo cáo tình hình sử dụng dự phòng NSDP của NSDP sau sắp xếp theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Luật NSNN, trong đó, số bố trí dự toán đầu năm, số đã sử dụng từ nguồn dự phòng NSDP đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2025.

e) Đánh giá cụ thể kết quả triển khai thực hiện cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách đặc thù tại địa phương sau sắp xếp (bao gồm cả cơ chế, chính sách do địa phương ban hành); đánh giá tác động của cơ chế, chính sách đến kết quả thu, chi NSNN trên địa bàn.

g) Tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của cơ quan Kiểm toán Nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra.

II. CÔNG TÁC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2026

1. Yêu cầu

- Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2026 phải tuân thủ quy định của pháp luật về NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật NSNN và các văn bản pháp luật khác có liên quan, phù hợp với các định hướng, chỉ tiêu của Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030, các mục tiêu theo các Nghị quyết của Trung ương và Thành phố; các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển một số địa phương theo quy định, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố, các văn bản pháp luật và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan; có đầy đủ cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán; phù hợp với đánh giá tình hình thực hiện năm 2025 và 03 năm 2023-2025.

- Các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường khi xây dựng dự toán phải rà soát chính sách, chế độ hiện hành, lồng ghép, bãi bỏ các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chỉ đề xuất ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi cân đối được nguồn thực hiện; dự kiến đầy đủ nhu cầu NSNN theo phân cấp thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Bố trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước chi NSNN đến hạn thu hồi trong năm theo quy định của pháp luật về NSNN và đầu tư công. Trường hợp đề xuất dự toán chi theo chủ trương của cấp có thẩm quyền, cần chi tiết nội dung chi và cơ sở xác định dự kiến kinh phí.

- Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết dứt điểm ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng dự toán thu NSNN năm 2026

2.1. Yêu cầu chung

- Dự toán thu NSNN năm 2026 được xây dựng theo đúng các quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý thuế, các Luật về thuế, phí, lệ phí, các văn bản pháp luật

khác có liên quan và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu của NSNN, phù hợp với tình hình thực hiện các năm trước, trên cơ sở tổng hợp toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 Luật NSNN năm 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Việc xây dựng dự toán thu năm 2026 phải bám sát tình hình kinh tế - xã hội, tài chính trong và ngoài nước, đảm bảo tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới phát sinh trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu ngân sách, không dành dư địa để địa phương giao chỉ tiêu phân đầu thu ngân sách; tính toán, phân tích đánh giá cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu theo từng địa bàn, lĩnh vực thu, khoản thu, sắc thuế do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai, sự thay đổi chính sách pháp luật, nhất là các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất hết hiệu lực, việc thực hiện lộ trình cắt giảm, ưu đãi thuế để hội nhập, phản ứng chính sách thuế đối ứng của chính quyền Hoa Kỳ và áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung đối với người nộp thuế theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu.

- Xây dựng dự toán thu phải gắn với việc quyết liệt cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thu; tăng cường quản lý, chống thất thu, nhất là trong kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới phát sinh trong điều kiện phát triển kinh tế số, thương mại điện tử; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, gian lận thuế, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Phân đầu dự toán thu nội địa năm 2026 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân tăng tối thiểu 10-12% so với ước thực hiện năm 2025 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách); mức tăng trưởng thu tại từng địa phương phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh tại từng địa bàn, trên cơ sở tính đến cả yếu tố tăng cường quản lý thu, chống thất thu và thu hồi nợ thuế. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2026 tăng bình quân khoảng 5-7% so với ước thực hiện năm 2025. Các cơ quan Tài chính, Thuế, Hải quan phối hợp với các cơ quan liên quan ở địa phương chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu NSNN và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu NSNN đảm bảo bao quát toàn bộ các nguồn thu trên địa bàn, đảm bảo mục tiêu tăng thu nêu trên.

2.2. Xây dựng dự toán thu nội địa

- Các sở, ban, ngành liên quan của Thành phố và các xã, phường khi xây dựng dự toán thu nội địa năm 2026 phải dự kiến đầy đủ các nguồn thu NSNN phát sinh trên địa bàn theo chế độ quy định, trên cơ sở đánh giá thực tế thực hiện các năm trước, những đặc thù của năm 2026 và số kiểm tra dự toán thu năm 2026 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

- Dự toán thu NSNN năm 2026; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các dự án mới đi vào hoạt

động có số thu lớn theo các quy định hiện hành; chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2026 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2026.

- Thu NSNN từ khai thác, xử lý tài sản công sau khi trừ đi các chi phí có liên quan được tổng hợp đầy đủ thực hiện nộp NSNN. Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định này.

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện (chi tiết từng khoản thu), bao gồm:

- + Dự toán thu phí, lệ phí phải nộp 100% NSNN theo quy định;

- + Dự toán chi cho công tác thu: Trên cơ sở nội dung đánh giá tình hình thực hiện năm 2025, lập dự toán năm 2026 bao gồm các nhiệm vụ chuyển tiếp, các nhiệm vụ thực hiện trong 01 năm dự toán (kèm thuyết minh chi tiết).

- Dự toán các khoản thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu, thu tiền đấu giá biển số xe và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2026 theo quy định.

- Đối với các khoản thu không tổng hợp vào cân đối NSNN theo quy định (thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại theo quy định), các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

2.3. Xây dựng dự toán thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu

Đề nghị Chi cục Hải quan khu vực I căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính, xây dựng dự toán thu NSNN từ các hoạt động xuất, nhập khẩu năm 2026, gửi Sở Tài chính tổng hợp chung báo cáo UBND Thành phố, Bộ Tài chính theo quy định.

2.4. Xây dựng dự toán hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng

Đề nghị Thuế thành phố Hà Nội, Chi cục Hải quan khu vực I căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính, xây dựng dự toán hoàn thuế giá trị gia tăng năm 2026 theo quy định.

2.5. Dự toán thu NSNN (bao gồm cả thu nội địa và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu) cần dự kiến phần hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa làm giảm thu NSNN theo quy định của pháp luật.

2.6. Xây dựng dự toán thu viện trợ không hoàn lại

Việc xây dựng dự toán thu NSNN năm 2026 đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài cần căn cứ và bám sát vào tình hình thực hiện dự toán NSNN năm 2025 (số dự toán được giao, số vốn tiếp nhận từ nhà tài trợ, số vốn

thực hiện); văn kiện của Chương trình, dự án, phi dự án hoặc khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền Việt Nam phê duyệt; các văn bản về cam kết viện trợ, thư viện trợ hoặc văn bản về ý định viện trợ của nhà tài trợ; tiến độ triển khai thực tế, khả năng phát sinh và thực hiện mới trong năm, hạn chế tình trạng thiếu dự toán dẫn đến phải trình cấp thẩm quyền bổ sung hoặc thực hiện không hết dẫn đến phải hủy dự toán hoặc chuyển nguồn. Quá trình xây dựng dự toán thu/chi NSNN đối với vốn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài, chủ chương trình/dự án/phi dự án và cơ quan dự toán cấp I (cơ quan chủ quản) cần xác định tính chất chi đầu tư và chi thường xuyên, chi tiết từng nội dung/lĩnh vực chi (trong đó chi tiết các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; giáo dục đào tạo, dạy nghề; chi y tế dân số và gia đình; xây dựng pháp luật – nếu có), phân định rõ nguồn vốn theo phân cấp theo quy định về quản lý NSNN (nếu có).

Đối với các khoản viện trợ đã tiếp nhận từ năm 2025 trở về trước chưa có trong dự toán được giao, các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường lập và tổng hợp vào dự toán năm 2026 để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, làm cơ sở để thực hiện hạch toán, quyết toán theo quy định.

3. Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026

3.1. Yêu cầu xây dựng

- Đảm bảo đúng quy trình, yêu cầu lập dự toán của Luật NSNN năm 2015, Luật Đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan; căn cứ chế độ, chính sách hiện hành và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định; thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đột phá phát triển trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động khu vực sự nghiệp công; đảm bảo nguồn lực thực hiện cải cách tiền lương, chính sách bảo hiểm xã hội gắn với đẩy mạnh sắp xếp tổ chức bộ máy, lộ trình tinh giản biên chế theo các quy định; bám sát các định hướng, mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của Thành phố và từng xã, phường.

- Đối với việc lập dự toán của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: Các cơ quan, tổ chức này tiếp tục lập dự toán theo quy định pháp luật hiện hành. Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội tổng hợp chung gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo Hướng dẫn này.

- Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán NSNN.

- Đảm bảo sát khả năng thực hiện và nguồn đảm bảo, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Trên cơ sở đánh giá thực hiện năm 2025,

các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường rà soát các nhiệm vụ trùng lặp, nhiệm vụ kết thúc năm 2025; nhiệm vụ dở dang tiếp tục thực hiện năm 2026; sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ phát sinh mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và triển khai thực hiện ngay khi được giao kinh phí, dự toán NSNN thực hiện phù hợp với khả năng huy động, cân đối các nguồn lực (bao gồm cả nguồn hợp pháp khác theo quy định).

3.2. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển

a) Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN bao gồm cả nguồn vốn vay (vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài, nguồn địa phương vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ được kéo dài thực hiện và giải ngân theo quy định của Luật Đầu tư công), vốn viện trợ (vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức), nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn Nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên, nguồn thu tiền sử dụng đất được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030, mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và các nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định của pháp luật về NSNN và đầu tư công, các văn bản pháp luật khác có liên quan không thuộc phạm vi của Luật Đầu tư công.

Đề xuất phương án bố trí vốn theo đúng thứ tự quy định tại Luật Đầu tư công, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030 đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Đảm bảo nguồn thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước, trong đó có Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, bố trí vốn cho các chương trình, dự án trọng điểm, quan trọng có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; vốn tham gia vào các dự án PPP; nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; nhiệm vụ cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý theo quy định của pháp luật, cấp vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Không bố trí vốn dàn trải, manh mún, kém hiệu quả.

b) Đối với vốn nước ngoài, việc bố trí kế hoạch phải chi tiết theo nguồn vốn vay, vốn viện trợ (viện trợ độc lập hoặc viện trợ kèm khoản vay) theo ngành, lĩnh vực; nội dung của Hiệp định, cam kết với nhà tài trợ, phù hợp với cơ chế tài chính của dự án và tiến độ thực hiện, ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án kết thúc Hiệp định, thỏa thuận vay, viện trợ nước ngoài trong năm 2026 và không có khả năng gia hạn. Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại, cơ quan được giao quản lý chương trình, dự án hướng dẫn lập, tổng hợp cho từng phần vốn, đảm bảo tuân thủ tỷ lệ cho vay lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đối với dự toán chi cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý

Căn cứ quy định của pháp luật về cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý và tình hình thực hiện các chính sách tín dụng nhà nước năm 2025, dự kiến những

thay đổi về đối tượng, chính sách, nhiệm vụ; dự kiến tăng trưởng tín dụng, dư nợ cho vay, huy động vốn, lãi suất huy động, lãi suất cho vay,... để xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026 theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

d) Đối với dự toán cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn. Ủy thác vốn NSDP qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo, các đối tượng chính sách khác và hỗ trợ một số hoạt động theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội.

e) Đối với dự toán chi ĐTPT ngoài phạm vi Luật Đầu tư công (kèm thuyết minh chi tiết) thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, chi cho Quỹ hỗ trợ đầu tư tại Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ và quy định của pháp luật có liên quan.

g) Đối với dự toán chi từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư ngoài cân đối NSNN (trừ các các nhiệm vụ thực hiện theo cơ chế tài chính đặc thù theo Nghị quyết số 104/2023/QH15, Nghị quyết số 142/2024/QH15 và Nghị quyết số 160/2024/QH15), thực hiện theo quy định hiện hành (chi tiết nguồn thu phí, thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị); gửi cơ quan quản lý cấp trên, tổng hợp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp.

h) Một số lưu ý khác khi xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển của các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường:

- Căn cứ quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công; quy định của Trung ương và Thành phố về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030; xây dựng dự toán chi ĐTPT năm 2026, chi tiết nguồn cân đối NSDP (gồm chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung trong nước, chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất phần NSDP được hưởng theo phân cấp, chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết, chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP (nếu có); dự toán chi các dự án sử dụng nguồn vốn nước ngoài (vốn vay, vốn viện trợ).

- Bố trí đủ vốn đối ứng thuộc trách nhiệm của địa phương, kinh phí để thanh toán đầy đủ, kịp thời các khoản nợ vay của NSDP phải trả khi đến hạn. Bố trí đủ vốn triển khai các dự án liên kết vùng, quan trọng có tác động lan tỏa mà địa phương đã cam kết bố trí vốn đối ứng theo quy định; bố trí đủ vốn trả hết các khoản nợ phải trả trong kế hoạch 5 năm, thu hồi toàn bộ vốn ứng trước còn phải thu hồi trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.

- Bố trí dự toán chi ĐTPT từ nguồn thu tiền sử dụng đất phần NSDP được hưởng theo phân cấp (nếu có), trong đó ưu tiên để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, CTMTQG Xây dựng nông thôn mới.

- Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Tiếp tục sử dụng toàn bộ cho ĐTPT, trong đó ưu tiên để đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế.

3.3. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

a) Sau khi đã bố trí chi tạo nguồn cải cách tiền lương (nếu có); chi ĐTPT nguồn cân đối NSDP; chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác; bổ sung quỹ dự trữ tài chính; dự phòng NSDP theo quy định; phần chi cân đối NSDP còn lại sẽ bố trí chi thường xuyên. Các địa phương tổ chức thực hiện giảm dự toán đối với các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trên cơ sở tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập năm 2026 theo các Nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 60-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Trên cơ sở pháp luật NSNN, pháp luật Quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan; các Nghị quyết Bộ Chính trị (Nghị quyết số 57-NQ/TW, số 66-NQ/TW...), chỉ đạo của Thành ủy, UBND Thành phố và các Nghị quyết Quốc hội, HĐND Thành phố; định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 và giai đoạn 2026-2030; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên do cơ quan có thẩm quyền ban hành và chính sách, chế độ, định mức chi NSNN hiện hành; các đề án, nhiệm vụ theo phê duyệt của cấp thẩm quyền; Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND Thành phố; số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2026, các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường xây dựng dự toán chi thường xuyên chi tiết theo từng lĩnh vực chi bảo đảm đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, xác định cụ thể mức tăng giảm so với dự toán năm 2025 sau sắp xếp.

Đối với kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, dự toán tương ứng ở các lĩnh vực chi trên cơ sở Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2026 theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025.

Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội; chính sách phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội; chính sách hỗ trợ bữa ăn bán trú cho học sinh tiểu học trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2025-2026 theo Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND 09/7/2025 của HĐND Thành phố.

Đối với nội dung sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên thực hiện theo Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính; nội dung mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ

thực hiện theo Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ và pháp luật có liên quan. Đối với nội dung sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình, tài sản công hiện có; thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, quy chế quản lý kiến trúc thuộc trách nhiệm tổ chức lập của Thành phố thực hiện theo quy định của Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 và các quy định của Thành phố.

c) Dự toán chi thường xuyên năm 2026 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai Nghị quyết số 60-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 11 (Khóa XIII) và Kết luận số 127-KL/TW, số 130-KL/TW, số 137-KL/TW của Bộ Chính trị về việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; đảm bảo điều kiện tốt nhất để tổ chức thành công bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2030 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI; trong đó, xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm so với năm 2025; đảm bảo triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm tài sản công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu.

d) Dự toán chi hoạt động năm 2026 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02 tháng 10 năm 2023 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó:

- Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2025 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2026.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng dự toán chi thường xuyên gắn việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, biên chế trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác của các lĩnh vực chi NSNN: Các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường lập, tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật về NSNN và pháp luật khác có liên quan. Đối với một số nhiệm vụ cụ thể, các đơn vị xây dựng dự toán gửi cơ quan chủ trì, đồng thời tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên gửi Sở Tài chính theo quy định tại *khoản 2.3 mục 2 Phần IV của Hướng dẫn này*.

e) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể làm rõ:

- Số biên chế năm 2025 (sau sắp xếp bộ máy, đơn vị hành chính) theo Quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền (nếu có), số biên chế dự kiến giảm theo các Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 154/2025/NĐ-CP, Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP; số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2025.

- Lập dự toán chi hoạt động thường xuyên theo định mức:

+ Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2026 sau sắp xếp, các cơ quan lập dự toán chi trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và biên chế được giao.

+ Trường hợp chưa được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2026 sau sắp xếp, nhưng năm 2025 đã được giao biên chế: Các cơ quan lập dự toán năm 2026 trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và biên chế giao năm 2025 trừ số biên chế giảm theo các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

+ Trường hợp chưa được cơ quan có thẩm quyền giao biên chế năm 2025 và 2026: Các cơ quan lập dự toán năm 2026 trên cơ sở định mức chi thường xuyên được cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có) và số biên chế theo Đề án sắp xếp đã báo cáo Bộ Nội vụ (nếu có) hoặc theo số biên chế có mặt tại thời điểm 31/12/2024 trừ số biên chế giảm theo các chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Lập dự toán Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương, các khoản đóng góp theo chế độ quy định trên cơ sở:

+ Biên chế xác định như trên.

+ Trường hợp số biên chế được giao năm 2026 lớn hơn số biên chế thực có mặt tại thời điểm 01/7/2025, quỹ lương được xác định bao gồm: (i) quỹ lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2025, được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ và (ii) quỹ lương của số biên chế chưa tuyển trong tổng mức biên chế được giao tính trên mức lương cơ sở và hệ số lương lương bậc 1 của công chức loại A1, các khoản phụ cấp theo lương cùng các khoản đóng góp theo quy định. Số biên chế được tuyển dụng theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo Đề án hoặc kế hoạch được phê duyệt được tính tăng thêm theo chế độ quy định.

+ Trường hợp số biên chế được giao năm 2026 nhỏ hơn số biên chế theo Đề án sắp xếp hoặc chưa được giao cả năm 2025 và năm 2026 thì quỹ lương năm 2026 được xác định dựa trên quỹ lương tại thời điểm sắp xếp tính giảm theo chủ trương tinh giản biên chế.

- Lập dự toán quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

- Lập dự toán chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Thuế thu nhập.

- Lập dự toán đối với các trường hợp có chính sách hỗ trợ riêng như người trực tiếp, thường xuyên làm công tác tham mưu nghiên cứu chiến lược, chính sách, xây dựng pháp luật theo Nghị quyết số 197/2025/QH15; hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng theo quy định của Chính phủ.

- Lập dự toán các khoản chi đặc thù năm 2026 (cơ sở pháp lý, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi, chính sách, chế độ, định mức chi theo quy định) theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các quy định khác có liên quan trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Các sở, ban, ngành Thành phố và xã, phường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện, tổ chức thi hành và theo dõi thi hành pháp luật theo mục tiêu tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, quy định của pháp luật có liên quan và ưu tiên bố trí trong phạm vi dự toán được giao để đảm bảo thực hiện công tác này.

- Các sở, ban, ngành Thành phố và xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ, đề xuất dự toán kinh phí tổ chức bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026-2030 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI, kèm thuyết minh chi tiết.

g) Cơ quan, đơn vị xây dựng (kèm thuyết minh chi tiết), tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi thường xuyên liên quan tới xử lý, khai thác tài sản công (trong đó có nhà, đất), cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định (nếu có). Đối với kinh phí chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và Thông tư số 57/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2021/NĐ-CP, tổng hợp vào dự toán chi các hoạt động kinh tế của NSNN theo phân cấp.

h) Đối với chi thường xuyên các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn vay (ODA và vay ưu đãi nước ngoài), vốn viện trợ (vốn ODA không hoàn lại, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức):

Căn cứ các Hiệp định, thỏa thuận đã và sẽ ký với nhà tài trợ (đối với các Hiệp định sẽ ký, chỉ bao gồm nguồn viện trợ), tiến độ thực hiện văn kiện dự án hoặc khoản viện trợ, cơ chế tài chính (nếu có) được cấp thẩm quyền phê duyệt, các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án, Hiệp định, vốn đối ứng (nếu có), chi tiết theo từng nguồn vốn vay, vốn viện trợ nước ngoài, theo lĩnh vực chi, cơ chế giải ngân (thực hiện ghi thu, ghi chi hoặc giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước); phân định cụ thể các nguồn vốn này thuộc NSDP và nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại (đối với các nhiệm vụ chuyển tiếp), cơ quan được giao quản lý chương trình, dự án hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

Các chương trình, dự án, do một sở, ban, ngành Thành phố và xã, phường cùng tham gia, các sở, ban, ngành Thành phố và xã, phường lập dự toán chi từ nguồn vốn nước ngoài và thuyết minh cơ sở phân bổ gửi Sở Tài chính trình cấp có thẩm quyền quyết định; đối với các chương trình, dự án chuyển tiếp, đồng gửi cơ quan được giao chủ quản chương trình, dự án tổng hợp, theo dõi.

i) Đối với kinh phí cho hoạt động giám sát, phản biện của Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội: Lập dự toán theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03/7/2017 của HĐND Thành phố. Ngân sách các cấp bố trí đảm bảo kinh phí ngoài định mức khoán kinh phí hoạt động theo quy định; kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố”: thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của HĐND Thành phố về quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

k) Dự kiến kinh phí cắt giảm, tiết kiệm do thực hiện sắp xếp bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, gồm giảm chi thường xuyên tại các lĩnh vực chi (quỹ lương, chi hoạt động bộ máy); giảm chi ĐTPT tại các lĩnh vực chi (chi nâng cấp, cải tạo, xây mới trụ sở,...).

l) Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

Việc hỗ trợ kinh phí đối với các hội thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, Quyết định số 304-QĐ/TW ngày 10/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Quyết định số 9188-QĐ/TU ngày 27/6/2025 của Thành ủy Hà Nội về việc thành lập Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Quyết định số 9189-QĐ/TU ngày 27/6/2025 của Thành ủy Hà Nội quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội.

m) Việc thực hiện nhiệm vụ giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên phải triển khai kịp thời nhiệm vụ được giao, đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019, Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ và đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định tại Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của thành phố Hà Nội; đồng thời, đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý

(Quyết định đặt hàng, Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, Hợp đồng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN,...) để công tác quản lý vận hành, tổ chức thực hiện cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước không bị gián đoạn.

3.4. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực, cùng với việc lập dự toán chi NSNN năm 2026 (phần sở trực tiếp thực hiện), đồng thời chủ động yêu cầu các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường liên quan có báo cáo đánh giá tình hình, nhu cầu thực hiện các cơ chế, chính sách được cấp có thẩm quyền ban hành và có hiệu lực trong năm 2026, trên cơ sở đó tổng hợp, xác định tổng nhu cầu kinh phí, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

3.5. Xây dựng dự toán chi viện trợ cho nước ngoài: Các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán chi viện trợ của NSDP theo quy định tại điểm c Khoản 6 Điều 4 Luật số 56/2024/QH15.

3.6. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2026 và các chương trình, dự án, đề án khác

- Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2021-2025; tình hình trình, phê duyệt chủ trương, quyết định xây dựng các văn bản hướng dẫn các CTMTQG giai đoạn 2026-2030; các cơ quan, đơn vị của Thành phố được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia chủ trì, phối hợp với Bộ chủ quản các CTMTQG xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2026 của từng chương trình chi tiết theo từng cơ quan, đơn vị và từng xã, phường, chi tiết mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chi tiết theo từng dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, cơ cấu chi ĐTPT, chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi trên cơ sở khả năng thực hiện hàng năm và tổng mức kinh phí đã được phê duyệt (nếu có), nguồn NSTW, NSDP, nguồn lồng ghép các chương trình, đề án khác và các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có), đảm bảo đầy đủ căn cứ pháp lý, hồ sơ, thủ tục, quyết định phê duyệt, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, gửi Sở Tài chính cùng báo cáo dự toán năm 2026. Đối với kinh phí ĐTPT, chi tiết đối với các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, giáo dục, y tế.

- Đối với các chương trình, dự án, đề án khác tiếp tục thực hiện trong năm 2026 hoặc đang trình cấp có thẩm quyền phân bổ cho giai đoạn 2026-2030: Các cơ quan, đơn vị căn cứ quyết định phê duyệt, nội dung trình và ý kiến của các cấp thẩm quyền, văn bản hướng dẫn, tình hình triển khai thực hiện năm 2025, các năm 2021-2025; đề xuất kinh phí thực hiện trong năm 2026, kèm thuyết minh chi tiết căn cứ pháp lý, hồ sơ, thủ tục, lý do tăng, giảm (nếu có) so với dự toán năm 2025, cụ thể theo từng mục tiêu, nhiệm vụ, lĩnh vực chi, gửi Sở Tài chính cùng báo cáo dự toán năm 2026.

3.7. Dự toán nguồn, nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo) năm 2026:

a) Về nguồn cải cách tiền lương

Các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định tại Nghị quyết 27-NQ/TW, các Nghị quyết của

Quốc hội, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP, Thông tư số 56/2022/TT-BTC và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Về nhu cầu hỗ trợ kinh phí

Dự toán nhu cầu hỗ trợ kinh phí thực hiện năm 2026 trên cơ sở đảm bảo các chính sách, chế độ tiền lương và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội theo các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP, số 77/2024/NĐ-CP năm 2024 của Chính phủ sau khi đã sử dụng các nguồn thực hiện của cơ quan, đơn vị theo quy định.

(Biểu báo cáo chi tiết theo mẫu biểu đính kèm)

3.8. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế và chính sách, chế độ khi sắp xếp bộ máy theo quy định tại Nghị định số 177/2024/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và Nghị định số 154/2025/NĐ-CP (kèm thuyết minh chi tiết). Dự kiến việc sử dụng các nguồn hợp pháp của các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường theo quy định. Đề xuất dự toán năm 2026 đối với phần chưa cân đối được.

3.8. Chi trả nợ lãi, phí và chi phí khác (đối với ngân sách cấp Thành phố): Sở Tài chính xây dự toán thành một mục chi riêng trong chi cân đối NSĐP, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời các khoản nợ đến hạn; kèm theo thuyết minh mức chi trả chi tiết theo từng nguồn vốn vay (nếu có), gồm: nguồn vay nước ngoài Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, tín dụng phát triển, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

3.9. Xây dựng dự toán số bội chi/bội thu, kế hoạch vay, trả nợ gốc và trả nợ lãi, phí (đối với ngân sách cấp Thành phố) của NSĐP theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn.

3.10. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của địa phương (đối với ngân sách cấp Thành phố): Sở Tài chính xác định bằng số được giao trong dự toán năm 2025.

3.11. Dự phòng NSĐP bố trí theo đúng quy định của Luật NSNN (từ 2-4% tổng chi cân đối NSĐP – không bao gồm số bội chi NSĐP và số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên).

3.12. Đối với dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ: các cơ quan, đơn vị dự toán thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi NSNN của các cơ quan, đơn vị dự toán.

3.13. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2026, các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường xây dựng dự toán chi phải đảm bảo chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật NSNN, từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; sau khi làm việc với Sở Tài chính, các sở, ban, ngành Thành

phổ và các xã, phường chủ động triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2026 của các cơ quan, địa phương mình, để ngay sau khi HĐND Thành phố nghị quyết, UBND Thành phố quyết định giao dự toán, thực hiện hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền quyết định phân bổ theo từng lĩnh vực và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo thời gian theo quy định của Luật NSNN.

3.14. Việc tổ chức công tác xây dựng, tổng hợp và báo cáo dự toán ngân sách năm 2026 thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn.

4. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện năm 2025, các sở, ngành, đơn vị thuộc Thành phố được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách dự kiến kế hoạch cơ cấu lại, sáp nhập, dừng, giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, chưa theo đúng quy định của pháp luật trong năm 2026; lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2026 đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn tiếp tục hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN và quy định của pháp luật có liên quan, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN năm 2026 của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó, thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh thu từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ,... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này).

5. Xây dựng dự toán năm 2026 số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới

- Các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường xây dựng dự toán số bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP để thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành (*Chi tiết theo mẫu biểu đính kèm*), trong đó xác định kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng cho cả 12 tháng năm 2026. Đối với từng chính sách, đề nghị thuyết minh chi tiết cơ sở xác định đối tượng, nhu cầu kinh phí (đối tượng xây dựng dự toán năm 2026 được xác định trên cơ sở số đối tượng ước thực hiện năm 2025, đã tính tới các yếu tố dự kiến phát sinh tăng/giảm đối tượng trong năm 2026).

- Các xã, phường xây dựng dự toán số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách xã, phường *theo mẫu biểu đính kèm* (mức hỗ trợ cụ thể được xác định trên cơ sở nhu cầu chi theo chế độ, chính sách và khả năng cân đối của ngân sách các cấp có liên quan).

III. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2026-2028

1. Căn cứ, yêu cầu lập kế hoạch 03 năm 2026-2028

1.1. Thực hiện quy định tại Luật NSNN số 83/2015/QH13, số 56/2024/QH15, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Thông tư số 69/2017/TT-BTC), các Luật về thuế, quản lý thuế, Luật phí, lệ phí, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật quản lý tài sản công, các văn bản pháp luật có liên quan; các định hướng, chỉ tiêu của Đại hội

Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030, các mục tiêu theo các Nghị quyết của Trung ương và Thành phố; các Nghị quyết Trung ương và Kết luận của Bộ Chính trị, các chỉ đạo của Thành phố về tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP, số 77/2024/NĐ-CP, số 178/2024/NĐ-CP, số 67/2025/NĐ-CP, số 88/2025/NĐ-CP của Chính phủ; nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi ĐTPT giai đoạn 2026-2030 và nguyên tắc, tiêu chí, định mức chi thường xuyên năm NSNN (nếu có); căn cứ các thỏa thuận, hiệp định vay nợ, viện trợ nguồn vốn nước ngoài đã và sẽ được ký kết, triển khai trong các năm 2026-2028; quy định về thời kỳ ổn định NSNN; căn cứ dự toán ngân sách năm 2026 lập theo quy định tại Hướng dẫn này, các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố xây dựng kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 theo quy định, trong đó lưu ý:

- Việc xây dựng dự toán năm 2026 thực hiện theo quy định tại Hướng dẫn này và mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030; đối với 02 năm 2027-2028 được giả định tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách năm 2026.

- Trường hợp nhu cầu chi của các cơ quan, đơn vị trong các năm 2026-2028 tăng hoặc giảm lớn so với dự toán năm 2026 và ước thực hiện chi năm 2025 (bao gồm cả dự toán bổ sung trong năm); các cơ quan, đơn vị có thuyết minh, giải trình, có các giải pháp huy động thêm các nguồn lực tài chính ngoài ngân sách, đảm bảo các nhu cầu chi phải cân đối được nguồn lực thực hiện.

- Dự toán chi năm 2026-2028 xây dựng căn cứ các quy định về chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, các chính sách an sinh xã hội theo quy định tại các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, số 75/2024/NĐ-CP, số 76/2024/NĐ-CP và số 77/2024/NĐ-CP của Chính phủ và lộ trình các năm 2026-2028 đã được phê duyệt (nếu có).

1.2. Việc lập, báo cáo, tổng hợp và trình kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 được tiến hành đồng thời với quá trình lập dự toán NSNN năm 2026.

2. Lập kế hoạch thu NSNN 03 năm 2026-2028

2.1. Thuế thành phố Hà Nội, Chi cục Hải quan khu vực I xây dựng kế hoạch thu NSNN 03 năm 2026-2028 theo các yêu cầu nêu trên, đồng thời:

- a) Căn cứ khả năng phát triển kinh tế cả nước, từng ngành nghề, lĩnh vực và Thành phố trong các năm 2026-2028 phù hợp với các định hướng, chỉ tiêu của Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ XVIII, kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026-2030, các mục tiêu theo các Nghị quyết của Trung ương và Thành phố, dự kiến các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030; dự toán thu năm 2026 của Thành

phổ; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ, phát triển sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu của từng năm; các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế và thay đổi chính sách của các nước trên thế giới như thuế tối thiểu toàn cầu.

b) Phân tích, đánh giá cụ thể những tác động tăng, giảm, dịch chuyển nguồn thu do điều chỉnh chính sách thu gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đánh giá ảnh hưởng nguồn thu do ảnh hưởng của dịch bệnh, thiên tai; thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập; dự kiến triển khai các chính sách thu mới; yêu cầu chống thất thu, xử lý thu hồi nợ đọng, chống chuyển giá, chống gian lận thuế.

c) Đối với nguồn thu phí, lệ phí, việc lập dự toán thực hiện theo quy định hiện hành; tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần thu phí nộp NSNN năm 2026-2028; lập kế hoạch riêng nguồn thu được để lại, thu học phí, giá dịch vụ y tế, giá dịch vụ sự nghiệp công và các khoản thu khác (không có trong danh mục phí) để quản lý, giám sát và tạo nguồn cải cách tiền lương đối với các đối tượng này.

d) Tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công quy định của pháp luật.

Giai đoạn 2027-2028, phấn đấu tốc độ tăng thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước) và tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu không thấp hơn mức tăng các khoản thu này năm 2026 quy định tại Hướng dẫn này.

2.2. Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2026-2028 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phần phí, lệ phí nộp NSNN.

2.3. Đối với các khoản thu được để lại, học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ: thực hiện lập kế hoạch thu, chi riêng theo quy định gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

3. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2026-2028 của các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố

3.1. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2026-2028 của các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố được lập theo các yêu cầu nêu trên và quy định về lập dự toán ngân sách năm 2026 tại Hướng dẫn này; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án, chính sách, chế độ đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt, đặc biệt lưu ý việc triển khai các chủ trương mới của Đảng, Nhà nước về sắp xếp Bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, ưu tiên các lĩnh vực theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, số 66-NQ/TW, tiếp tục triển khai các Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 62-KL/TW về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập.

3.2. Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026, các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới của Bộ, cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2026 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi ĐTPT, nhu cầu chi bảo dưỡng, vận hành trong kế hoạch chi năm 2026-2028.

Đối với các sở quản lý ngành, lĩnh vực bên cạnh việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2026-2028 (phần sở trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành/kết thúc từng năm của giai đoạn 2026-2028 trên phạm vi cả nước kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán.

3.3. Lập kế hoạch chi từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức năm 2026-2028 từng dự án theo tiến độ thực hiện đối với các Hiệp định, thỏa thuận vay đã ký kết và đang triển khai thực hiện, theo cam kết, đàm phán đối với các trường hợp mới ký kết, đã được phê duyệt chủ trương, đang đàm phán.

3.4. UBND các xã, phường xây dựng dự toán, đề xuất nhu cầu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố trong 03 năm 2026-2028, chi tiết theo từng năm và từng nhiệm vụ, chương trình, dự án, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi; gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung trong kế hoạch 03 năm 2026-2028.

IV. MỘT SỐ LƯU Ý KHI XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2026 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH – NSNN 03 NĂM 2026-2028

Bên cạnh các nội dung hướng dẫn nêu trên, Sở Tài chính đề nghị các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường lưu ý thêm một số nội dung quan trọng sau:

1. Một số lưu ý chung về đánh giá tình hình thực hiện và lập dự toán ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1. Căn cứ, yêu cầu, nguyên tắc chung

- Việc đánh giá tình hình thực hiện năm 2025, lập dự toán NSNN năm 2026 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2026-2028 cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đảm bảo tuân thủ các căn cứ, yêu cầu, nguyên tắc quy định tại Luật NSNN, Luật Đầu tư công, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và hướng dẫn tại Thông tư này.

- Kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số bố trí trong lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật về NSNN, đầu tư công.

- Phạm vi tổng hợp đề xuất các nhiệm vụ gồm:

- + Các nhiệm vụ chi ĐTPT của ngân sách cấp Thành phố, ngân sách cấp xã.
- + Các nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách cấp Thành phố, ngân sách cấp xã.

1.2. Đánh giá thực hiện năm 2025 cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Rà soát, đánh giá, tình hình thực hiện phân bổ, giải ngân năm 2025 đến hết tháng 06/2025 và dự kiến cả năm 2025, bao gồm chi NSNN trực tiếp từ lĩnh vực khoa học, công nghệ và chi cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang được bố trí từ tất cả các lĩnh vực chi NSNN khác (chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công nghệ thông tin, các nhiệm vụ về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia và Thành phố, dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số, Đề án 06...). Trong đó làm rõ các nhiệm vụ kết thúc năm 2025 và kinh phí đã bố trí năm 2025 tương ứng, các nhiệm vụ chuyển tiếp (tổng kinh phí phê duyệt, số đã bố trí năm 2025 và tổng số lũy kế đến hết năm 2025, số còn phải bố trí).

1.3. Lập dự toán năm 2026 cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Các nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2025 sang năm 2026 (nguồn ĐTPT và kinh phí thường xuyên):

+ Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từ trước đến nay vẫn đang được bố trí trong lĩnh vực khoa học, công nghệ tiếp tục tổng hợp trong lĩnh vực này.

+ Đối với các nhiệm vụ chi bản chất là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo pháp luật chuyên ngành từ trước đến nay đang bố trí trong các lĩnh vực chi NSNN khác như đã quy định tại mục 1.2 nêu trên, các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường tổng hợp vào lĩnh vực chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ¹ (trong đó báo cáo số bố trí đối với các nhiệm vụ này phục vụ lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực y tế, dân số và gia đình).

- Các nhiệm vụ mới phát sinh từ năm 2026 (nguồn ĐTPT và kinh phí thường xuyên): Các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường lập dự toán năm 2026 theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó báo cáo rõ kinh phí thực hiện/và không thực hiện theo cơ chế quỹ, tổng hợp vào lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (trong đó báo cáo số bố trí đối với các nhiệm vụ này phục vụ lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, lĩnh vực y tế, dân số và gia đình).

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường rà soát, tổng hợp dự toán cho từng sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường, đúng tính chất nguồn vốn đầu tư/thường xuyên theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực và pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong phạm vi tổng mức số kiểm tra lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của NSNN được thông

¹ Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Bộ Khoa học và Công nghệ để hướng dẫn các sở, ban, ngành Thành phố và các xã, phường.

báo; chịu trách nhiệm toàn diện về phương án đề xuất, gửi Sở Tài chính tổng hợp chung trong dự toán ngân sách theo quy định.

2. Một số lưu ý cụ thể

2.1. Đối với các sở, ban, ngành Thành phố

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các xã, phường dự kiến số dự án, diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp năm 2026 theo từng khu vực và xây dựng riêng dự toán chi từ nguồn thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa, gửi Sở Tài chính để làm cơ sở xây dựng, tổng hợp dự toán thu, chi từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

- Quỹ Đầu tư phát triển có trách nhiệm rà soát, xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ lãi suất đối với các dự án vay vốn tại Quỹ đã được Thành phố phê duyệt cơ chế hỗ trợ gửi Sở Tài chính để tổng hợp trong dự toán chi ngân sách Thành phố năm 2026.

2.2. Đối với các xã, phường

a) Xây dựng dự toán thu ngân sách

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí, lệ phí) tích cực, chi tiết theo từng khoản thu theo quy định.

- Dự toán thu viện trợ không hoàn lại cho các đơn vị trực thuộc trên cơ sở các cam kết, thỏa thuận viện trợ,... làm cơ sở hạch toán thu, chi ngân sách.

b) Xây dựng dự toán chi ngân sách

- Các xã, phường khi giao tăng dự toán thu so với dự toán Thành phố giao, cần đảm bảo giao chỉ tiêu dự phòng theo quy định của Luật NSNN (mức bố trí dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi cân đối NSDP – không bao gồm số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên).

- Đối với các khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì phải bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện (Ví dụ như: Thu từ tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất chỉ bố trí cho chi đầu tư phát triển...).

- Về chi đầu tư phát triển: Các xã, phường phải chủ động cân đối bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển của ngân sách cấp mình để hoàn trả kinh phí đã ứng từ nguồn vốn Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển (nếu có) đối với các dự án GPMB và xây dựng hạ tầng kỹ thuật tái định cư, đầu tư hạ tầng đất đấu giá, đất dịch vụ.

- Về chi thường xuyên:

+ Các xã, phường bố trí dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị dự toán trực thuộc theo các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao và các chế độ, chính sách hiện hành của Trung ương và Thành phố.

+ Các xã, phường phải cân đối ngân sách để thực hiện các nhiệm vụ chi của xã, phường theo phân cấp.

+ Các xã, phường tiếp tục giữ lại 10% chi thường xuyên tại cấp ngân sách để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định.

+ Bố trí đủ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, chính sách đã ban hành thuộc nhiệm vụ chi của các xã, phường.

2.3. Một số nhiệm vụ cụ thể khác, các đơn vị xây dựng dự toán gửi cơ quan chủ trì, đồng thời tổng hợp trong dự toán chi thường xuyên gửi Sở Tài chính, cụ thể:

- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác theo Kế hoạch của Thành phố: Các đơn vị xây dựng chỉ tiêu đào tạo và lập dự toán gửi Ban Tổ chức Thành ủy đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức khối Đảng, MTTQ và gửi Sở Nội vụ đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác thuộc khối chính quyền, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy, Sở Nội vụ thẩm định các chỉ tiêu, tổng hợp kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Chi đoàn ra, đoàn vào: Các đơn vị xây dựng chương trình và dự toán gửi Văn phòng UBND Thành phố, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Văn phòng UBND Thành phố thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định. Chi bố trí kinh phí trong các Sở, ngành đối với các đoàn thực hiện theo Biên bản ghi nhớ, Biên bản hợp tác giữa Thành phố với các tỉnh, thành phố khác hoặc đã có chỉ đạo của UBND Thành phố.

- Chi công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Các đơn vị lập dự toán gửi Sở Tư pháp, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Sở Tư pháp thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí thực hiện của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Kinh phí phòng chống tai nạn thương tích, kinh phí thực hiện công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; kinh phí tăng thêm để thực hiện chi trả chế độ cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ: Các đơn vị xây dựng dự toán gửi Sở Y tế, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Sở Y tế thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Kinh phí thực hiện cuộc vận động “Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”: Các đơn vị lập dự toán gửi Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí thực hiện của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Đối với một số khoản kinh phí: Kinh phí công tác an toàn lao động - vệ sinh lao động; kinh phí trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo Quyết định số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Chính phủ...: Các đơn vị xây dựng dự toán gửi Sở Nội vụ, đồng thời tổng hợp

trong dự toán ngân sách của đơn vị. Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Kinh phí thực hiện công tác thông tin đối ngoại của Thành phố: Các đơn vị xây dựng dự toán gửi Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Kinh phí hỗ trợ BHXH tự nguyện, BHYT cho các đối tượng, UBND các xã, phường xây dựng dự toán gửi Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Đề nghị Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Kinh phí thực hiện chính sách an sinh xã hội, UBND các xã, phường xây dựng dự toán gửi Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, đồng thời tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị. Đề nghị Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định, tổng hợp các nội dung, kinh phí của các đơn vị, gửi Sở Tài chính theo quy định.

- Chi xây dựng đề án, đề tài, dự án khoa học: Các đơn vị có trách nhiệm gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trong Kế hoạch khoa học công nghệ của Thành phố. Trường hợp các đề án, nhiệm vụ không bố trí theo trình tự thủ tục khoa học công nghệ của Thành phố thì không được áp dụng mức chi của đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ. Trường hợp các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án không phải là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhưng có tính chất tương tự, đề nghị đơn vị có văn bản gửi Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định tham mưu UBND Thành phố xem xét, quyết định theo đúng Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ hướng dẫn tại văn bản này, các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các xã, phường và các đơn vị thụ hưởng ngân sách Thành phố triển khai đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách năm 2025 và xây dựng dự toán ngân sách năm 2026; kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 (đối với các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố) theo các mẫu biểu kèm theo hướng dẫn này, gửi về Sở Tài chính và các sở, ngành tổng hợp có liên quan **trước ngày 10/8/2025**. Thời gian thảo luận dự toán ngân sách với các sở, ban, ngành Thành phố và UBND các xã, phường: Sở Tài chính sẽ phối hợp với Thuế thành phố Hà Nội thông báo sau.

2. Đối với một số nhiệm vụ chi thực hiện các chương trình, kế hoạch chung của Thành phố, các đơn vị theo nhiệm vụ được phân công xây dựng dự toán kinh phí thực hiện năm 2026 gửi sở, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì tổng hợp kinh phí, trên cơ sở đó cơ quan chủ trì thẩm định, tổng hợp nội dung, kinh phí thực hiện các chương trình, kế hoạch của Thành phố, gửi Sở Tài chính **trước ngày 15/8/2025** để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

3. Căn cứ kết quả làm việc với Bộ Tài chính về dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 và dự toán do các sở, ban, ngành Thành phố và UBND các xã, phường xây dựng; Sở Tài chính chủ trì cùng Thuế thành phố Hà Nội xem xét cụ thể, tổng hợp xây dựng dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ chi tiết dự toán ngân sách cấp Thành phố năm 2026; báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết nghị thông qua.

4. Căn cứ Nghị quyết của HĐND Thành phố, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình UBND Thành phố quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các sở, ban, ngành Thành phố, các xã, phường và các đơn vị thụ hưởng ngân sách Thành phố theo quy định.

5. Căn cứ Nghị quyết của HĐND xã, phường về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp xã; UBND xã, phường quyết định phân bổ, giao dự toán cho các đơn vị đảm bảo thời gian theo quy định của Luật NSNN.

Trên đây là những nội dung hướng dẫn về công tác xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2026-2028; trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để kịp thời xem xét, xử lý./.

Nơi nhận:

- TT HĐND Thành phố; (để báo
- UBND Thành phố; (để cáo)
- Ban Kinh tế và NS – HĐND TP;
- Thuế thành phố Hà Nội;
- Chi cục Hải quan, KBNN khu vực I;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp I của TP;
- Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội;
- Các Quỹ tài chính địa phương;
- Chi nhánh NHCSXH TP. Hà Nội;
- Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Phòng Kinh tế, Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị của các xã, phường;
- Các đ/c PGĐ Sở;
- Cổng Thông tin điện tử Sở Tài chính;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLNS.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Lưu